

Số: /TTr-STP

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 05.3

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (viết chung là Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật); Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (viết tắt là Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), Sở Tư pháp trân trọng báo cáo và kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước quy định:

“Điều 21. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách

... 3. Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp.”.

Căn cứ quy định nêu trên và điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật¹, thì việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là có cơ sở pháp lý và phù hợp về thẩm quyền.

2. Cơ sở thực tiễn

Tại Văn bản số 428/HĐND-PC ngày 19/11/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến đối với danh mục xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh xử lý các Nghị quyết quy phạm pháp luật không còn phù hợp do chịu sự tác động của việc sắp xếp đơn vị hành chính; Văn bản số 3717/UBND-NC ngày 21/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao soạn thảo nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, giao Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị quyết hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo trình tự, thủ tục thông thường, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong tháng 3/2026, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong tháng 5/2026.

Tỉnh Tuyên Quang hiện có 124 xã, phường với dân số trên 1.9 triệu người, dân tộc sinh sống, trong đó phần lớn là đồng bào dân tộc thiểu số như Mông, Dao, Tày, Nùng, Giáy...; có 5 dân tộc có khó khăn đặc thù gồm: Pu Páo, Bô Y, Cờ Lao, Lô Lô và Pà Thẻn. Đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh, nhất là ở những vùng đặc biệt khó khăn đã được Đảng, Nhà nước quan tâm, được hưởng các chế độ, chính sách hỗ trợ với nguồn kinh phí theo các chương trình như Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi...; hỗ trợ gạo, tiền, học phí, đồ dùng học tập... cho những học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo...

Đối với địa phương, chính quyền tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Hà Giang (*sau đây viết là Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND*) - là chủ trương, chính sách tính chất đặc thù của tỉnh Hà Giang trước sắp xếp nhằm hỗ trợ, giúp đỡ trẻ em được hưởng các chế

¹ Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;”

độ ưu đãi của Đảng và Nhà nước, góp phần giảm gánh nặng cho gia đình, địa phương nơi trẻ sinh sống. Kết quả, sau hơn 02 năm thực hiện Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp đã tiếp nhận và hoàn thành hồ trợ cho **102 trẻ** hoàn tất thủ tục và đã có quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

Tuy nhiên, xuất phát từ phong tục tập quán, đặc điểm vùng dân tộc thiểu số và biên giới, qua kết quả rà soát do Ủy ban nhân dân các xã, phường cung cấp (*tính đến thời điểm ngày 05/3/2026*), tổng số đối tượng trẻ mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại bỏ đi khỏi địa phương (*từ 02 năm liền trở lên*) hiện nay là **128 trẻ thuộc 84 hộ gia đình** do mất nguồn nuôi dưỡng từ cha mẹ, đồng thời họ hàng thân thích cơ bản cũng thuộc diện nghèo, nên đời sống của các đối tượng trẻ em này rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; hầu hết các gia đình hiện tại không thể hoàn tất giấy tờ và nộp phí để cơ quan chức năng tuyên bố mất tích làm cơ sở giải quyết chế độ trợ giúp xã hội. Dự kiến trong thời gian tới, số lượng trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, mồ côi cha/mẹ và người còn lại bỏ đi biệt tích, cha và mẹ bỏ đi biệt tích... thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND vẫn có thể tăng, đặc biệt đối với hộ gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các xã vùng gần biên giới.

Căn cứ cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, để kịp thời xử lý các Nghị quyết quy phạm pháp luật không còn phù hợp do chịu sự tác động của việc sắp xếp đơn vị hành chính, đồng thời kế thừa những chính sách/nội dung đã thực hiện hiệu quả, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang sau sắp xếp (*bãi bỏ Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Hà Giang*) là cần thiết, bảo đảm phản ánh đầy đủ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, phù hợp với yêu cầu hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Nhằm hỗ trợ kinh phí thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích để thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, là chủ trương, chính sách mang tính chất đặc thù nhằm hỗ trợ, giúp đỡ trẻ em được hưởng các chế độ ưu đãi của

Đảng và Nhà nước, đã góp phần giảm gánh nặng cho gia đình, địa phương nơi trẻ sinh sống; tăng cường hoạt động trợ giúp pháp lý cho trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại là mẹ hoặc cha đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ tung tích từ 02 năm liền trở lên. Qua đó, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và đồng bộ, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của địa phương.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật.
- Phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Phù hợp với tình hình thực tiễn tại tỉnh Tuyên Quang sau sắp xếp và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 23/QĐ-STP ngày 20/01/2026 thành lập Tổ soạn thảo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Giám đốc Sở Tư pháp làm Tổ trưởng; Quyết định số 34/QĐ-STP ngày 22/01/2026 ban hành Kế hoạch soạn thảo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

Ngày ..., Sở Tư pháp đã ban hành Văn bản số .../STP-PBGDPL, đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị quyết. Kết quả: có.../.... gửi ý kiến tham gia, Sở Tư pháp đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia (có Báo cáo tổng hợp riêng).

Ngày ..., Sở Tư pháp ban hành Báo cáo số .../BC-STP kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Trên cơ sở các ý kiến tham gia, thẩm định của các cơ quan, đơn vị, Sở Tư pháp đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp, ý kiến thẩm định, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng, chưa thuộc diện được hưởng chính sách trợ giúp xã hội hiện hành của nhà nước, thường trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bỏ đi biệt tích từ 02 năm liên trở lên chưa được hoàn thiện hồ sơ để đề nghị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

b) Cả cha và mẹ bỏ đi biệt tích từ 02 năm liên trở lên chưa được hoàn thiện hồ sơ để đề nghị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

c) Cha hoặc mẹ bỏ đi biệt tích từ 02 năm liên trở lên chưa được hoàn thiện hồ sơ để đề nghị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng.

d) Cha hoặc mẹ bỏ đi biệt tích từ 02 năm liên trở lên chưa được hoàn thiện hồ sơ để đề nghị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 04 Điều, cụ thể:

- Điều 1 Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- Điều 2. Mức hỗ trợ, nguồn kinh phí
- Điều 3. Tổ chức thực hiện
- Điều 4. Điều khoản thi hành

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Kế thừa một số nội dung của Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND về đối tượng áp dụng, mức hỗ trợ đối với 04 đối tượng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh bảo đảm phù hợp với thực tiễn hiện nay, cụ thể:

3.1. Đối tượng áp dụng: Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng, chưa thuộc diện được hưởng chính sách trợ giúp xã hội hiện hành của nhà nước, thường trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

(1) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bỏ đi biệt tích từ 02 năm liên trở lên chưa được hoàn thiện hồ sơ để đề nghị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

(2) Cả cha và mẹ bỏ đi biệt tích từ 02 năm liên trở lên chưa được hoàn thiện hồ sơ để đề nghị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

(3) Cha hoặc mẹ bỏ đi biệt tích từ 02 năm liên trở lên chưa được hoàn thiện hồ sơ để đề nghị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng.

(4) Cha hoặc mẹ bỏ đi biệt tích từ 02 năm liên trở lên chưa được hoàn thiện hồ sơ để đề nghị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3.2. Mức hỗ trợ

- Đăng thông báo, nhắn tin tìm người vắng mặt tại nơi cư trú trên một trong các Kê thừa các quy định hiện hành về nội dung hỗ trợ, nguồn kinh phí, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang sau sắp xếp; đồng thời bổ cục lại Nghị quyết.

Từ thực tiễn thực hiện các tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp và báo giá năm 2025 của các đơn vị:

- Mức chi phí đăng thông báo, nhắn tin trên **Báo Công lý** (là cơ quan ngôn luận của Tòa án nhân dân tối cao, đơn vị sự nghiệp thuộc Tòa án nhân dân tối cao) là 750.000 đồng/kỳ x 03 kỳ = 2.250.000 đồng.

- Mức chi phí thông báo, nhắn tin trên **Trung tâm Quảng cáo và dịch vụ truyền thông VOVAMS** là 750.000 đồng/kỳ x 03 kỳ = 2.250.000 đồng.

Tiếp thu tinh thần hỗ trợ 100% chi phí đăng thông báo, nhắn tin trên Báo/Đài của Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND, **Sở Tư pháp đề xuất:**

(i) Mức hỗ trợ đăng thông báo, nhắn tin tìm người vắng mặt tại nơi cư trú trên một trong các báo hàng ngày của Trung ương: Tăng từ **1.500.000 đồng/1 vụ việc lên 2.250.000 đồng/01 vụ việc**, tăng 33,3%.

(ii) Mức hỗ trợ đăng thông báo, nhắn tin tìm người vắng mặt tại nơi cư trú trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của Trung ương: Tăng từ **1.500.000 đồng/1 vụ việc lên 2.250.000 đồng/01 vụ việc**, tăng 33,3%.

(iii) **Giữ nguyên** lệ phí Tòa án = **300.000 đồng/01 vụ việc** theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

(iv) Trong trường hợp giá dịch vụ quy định Lệ phí Tòa nêu trên có thay đổi thì áp dụng theo báo giá của các đơn vị cung cấp dịch vụ và Lệ phí Tòa án tại thời điểm đăng thông tin.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực thực hiện

Trên cơ sở kết quả rà soát do Ủy ban nhân dân các xã, phường cung cấp (nêu tại mục 2 Phần I), tổng số đối tượng trẻ thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND là **128 trẻ thuộc 84 hộ gia đình tương ứng 84 người giám hộ/người nuôi dưỡng trẻ = 84 vụ việc**. Dự kiến nguồn lực thực hiện từ ngân sách địa phương là **390.600.000 đồng**, cụ thể:

- Chi phí đăng thông báo, nhắn tin tìm người vắng mặt tại nơi cư trú trên Báo Công lý: 84 vụ việc x 2.250.000 đồng/vụ việc = 189.000.000 đồng.

- Chi phí đăng thông báo, nhắn tin tìm người vắng mặt tại nơi cư trú trên sóng đài tiếng nói Việt Nam VOV: 84 vụ việc x 2.250.000 đồng/vụ việc = 189.000.000 đồng.

- Lệ phí Tòa án (Ước tính 50% trường hợp được miễn lệ phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án²): 42 vụ việc x 300.000 đồng/vụ việc = 12.600.000 đồng.

² Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định:

“Điều 12. Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án

1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:

a) Người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, tiền bồi thường về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; giải quyết những vấn đề bồi thường thiệt hại hoặc vì bị sa thải, chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật;

b) Người yêu cầu cấp dưỡng, xin xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự;

c) Người khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng hoặc thi hành biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

d) Người yêu cầu bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín;

đ) Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ.

Ngoài ra, các nội dung, mức chi công tác phí, phụ cấp lưu trú, thù lao trợ giúp viên pháp lý... được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành

- Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Sở Tư pháp xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định./.

(Xin gửi kèm theo Tờ trình, hồ sơ gồm: (1) Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; (2) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (3) Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết; (5) Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Hà Giang).

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (kính trình);
- VP UBND tỉnh (phối hợp trình);
- Lãnh đạo STP;
- Lưu: VT, PBGDPL (NPThúy).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Lâm

2. Những trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này được miễn các khoản tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết này.

3. Trường hợp các đương sự thỏa thuận một bên chịu toàn bộ án phí hoặc một phần số tiền án phí phải nộp mà bên chịu toàn bộ án phí hoặc một phần số tiền án phí phải nộp thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí thì Tòa án chỉ xem xét miễn án phí đối với phần mà người thuộc trường hợp được miễn phải chịu theo quy định, của Nghị quyết này. Phần án phí, lệ phí Tòa án mà người đó nhận nộp thay người khác thì không được miễn nộp”/